

PHƯƠNG PHÁP TRỊ BỆNH HO-LAO

Tôi có 1 phương thuốc trị bệnh ho lao của ông bà để lại hay quá. Xưa nay chỉ để giúp người ở thôn lán. Nó trị bệnh nhẹ thì mau lành, còn bệnh thiệt nặng như tiếng tắc, mệt và nóng lạnh liên-miên, tôi cho uống thì chỉ thấy khỏe trong một lúc, không hết; chớ còn như bệnh ho chưa thiệt nặng như nói trên và những chứng ho thường như: ho ra máu, ho khan, ho đàm, ho gió, ho phong vân vân thì uống mau lành lắm. Còn người bị té bị đánh động phổi tức ngực thì uống càng mau hơn. Có nhiều người dùng thấy hay, khuyến khích tôi làm ra bán khắp nơi cho ai cũng dùng được; nhưng vì phương thuốc này mắc quá nên tôi không muốn. Nay người ta khuyến khích quá và tôi nghĩ lại có nhiều bệnh tổn bạc ngàn mà không hết thì thuốc này sánh cũng không mắc gì, nên tôi làm ra và chia n'ăm mỗi ve uống một tuần thì giá 12 \$ 00. Tùy theo bệnh, uống 1 hoặc 2 hay 3 tuần thì lành bệnh.

Dùng thuốc này rồi ngoài còn phải có cách kiêng cử và lựa chọn món ăn và phương pháp làm cho phổi mau tươi nhuận bệnh mới mau lành. (Tôi có chỉ rõ trong toa). Trong hộp có h i thứ thuốc uống: 1 thứ uống nhuận trường dưới đàm trong phổi ra đại trường; 1 thứ bổ phổi trị ho. Vay ai muốn mua, viết thư hoặc mandat để:

Monsieur NGUYỄN-VĂN-SÁNG
(qua Hương giáo làng Tân-Quới)
Boite postale n° 10 (CÁNHƠ)

DO PHONG GÌ

Sanh nhức mỏi, đau lưng, tê bại, sưng, ngứa, ngấm, niề-dại, ghê lác. Uống TRƯ PHONG GIẢI ĐỘC HUỒN của Nhà thuốc « HAY » Cánhơ MẠNH-LIÊN. Uống ít nhuận trường, nhiều thì xổ. Đàn bà sanh con có phong đen ghê nuôi không dặng, uống đuôi phong sau sanh con nuôi dặng. Mua lẻ từ 5 \$ 00 khối chịu tiền gửi. Giá: 0 \$ 80. Không kỳ thai. — Cần mỗi chỗ một Đại-lý. Tổng Đại-lý Biên-bà: Huỳnh-thị-Đằm Rte Cie N° 1.

Savon VIỆT-NAM

Tốt nhất

ĐÃ XUẤT BẢN

HUÂN TỬ' CA

của NGUYỄN-VIỆN-KIỆU
Có bài tựa của Hồ-biểu-Chánh
mua sỉ và mua lẻ do

Nhà xuất bản ĐÀI-VIỆT

Giá: 0 \$ 25 — 5, Rue de Reims, Saigon



Agent exclusif: Ets BOY-LANDR

Maison LIÊN-HOÀ

Máy y-phục phụ-nữ và trẻ em, nhiều kiểu rất đẹp, có chemise ba thêu.

Mme TRƯƠNG-CÔNG-MÙI
N° 108-110 Lagrandière,
gần chợ mới Saigon
Tél. 21.780

Sté des SUCRERIES & RAFFINERIE de L'INDOCHINE

Sucre cristallisé supérieur
Sucre en morceaux
Sirop pur sucre
Mélasse pour distillerie

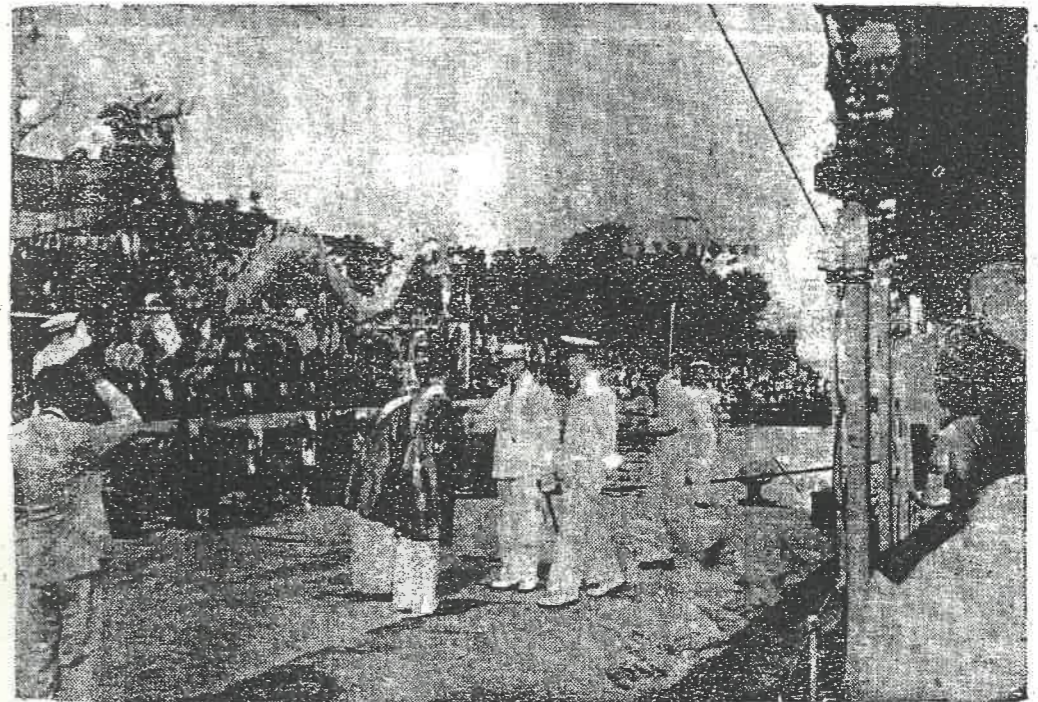
BUREAU à SAIGON

11, Place Rigault de Genouilly, 11
Direction générale à HIỆP-HÒA
CHOLON

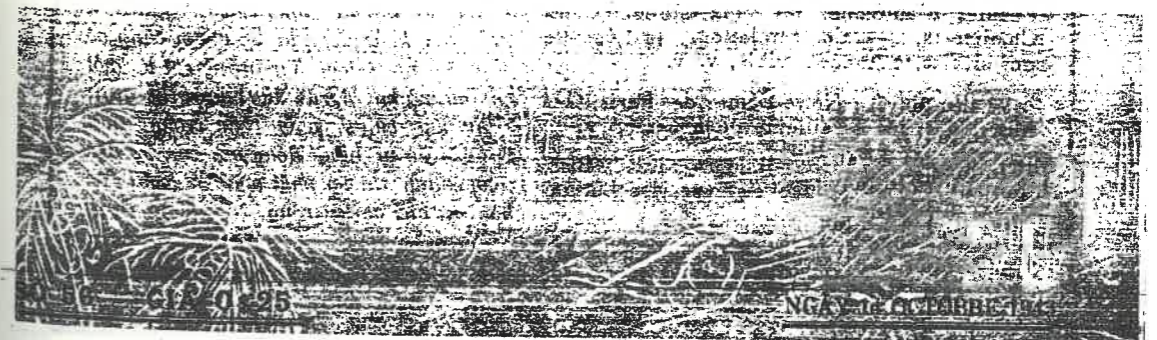
Trần báo

Giám-đọc: HỒ-VĂN-TRUNG *

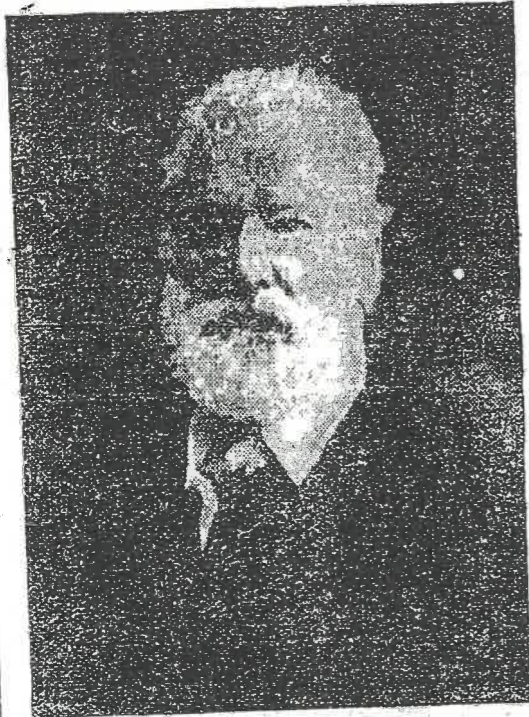
BÀO QUẢN, 5 ĐƯỜNG REIMS, SAIGON — ĐIỆN-THOẠI SỐ 21.543



Cuộc nghinh-tiếp quan Toàn-Quyền tại Tân-Châu



NHÀ-VĂN



Victor HUGO

Thi-hào có danh hơn hết của nước Pháp tro'g thế-kỷ thứ 19.

Sanh năm 1802 tại Besançon.

Từ ngày 22-Mai 1885 tại Paris, lễ táng long-trọng đặc biệt và hương-hội được nằm trong công-buần miếu (Panthéon).

Mới 10 tuổi đã bắt đầu làm thi và nhờ văn-thi có những ý tứ cao thượng, những niềm vận-phong-phú, những cảm-tình thâm-thúy, nên chẳng bao lâu đã trở nên sư-trưởng về điệu văn mới, điệu lãng-mạng (romantique).

Những tác-phẩm quý nhưt là :

Về thi : Odes et Ballades, les Orientales, Feuilles d'automne, les Voix intérieures, les Châtiments, les Contemplations, la Légende des siècles, l'Année terrible, v. v.

Về tiểu-thuyết : Notre-Dame de Paris, les Misérables, les Tirailleurs de la mer, v. v.

Về kịch-bản : Cromwell, Hernani, Ruy Blas, Marion Delorme, Le Roi s'amuse, les Burgraves, v. v.

Trong công cuộc chấn-hưng luân-lý và văn-học Việt-Nam mà trôi một năm nay N.K.T.B. và Đ.V.T.C. tận tâm vận-dộng và hiện nay đồng bào các giới đã công nhận là một việc cần thiết của tương-lai xứ này, nhà văn là những chiến-tướng tiên-phuồng của cái sứ-mạng ruộng đường, mở ngõ cho quần chúng tiến-bộ.

Sứ-mạng ấy chẳng những lợi ích cho quốc-gia, mà đối với mình cũng cao-quí nữa.

Cách gần một trăm năm nay, một đại văn-hò của Pháp-quốc là Victor Hugo, có viết một bài về nhiệm-vụ của văn-sĩ. Văn-học nước Pháp mà được thanh cao rực-rỡ, là nhờ văn-sĩ Pháp biết cương-trọng, biết nhiệm-vụ, biết đi-dắt, không để cho quần chúng mờ ám, biết an ủi, không để cho quần chúng bối rối.

Chúng tôi dịch mà đăng sau đây lời kêu gọi văn-sĩ của Victor Hugo, ước mong văn-sĩ Việt-Nam coi lời ấy là lời kêu gọi mình, rồi sửa đổi tâm hồn cho khỏi trái với nhiệm-vụ. T. S.

NHIỆM VỤ CỦA VĂN-SĨ

C Hỡi văn-sĩ, Các ngài là hạng thượng-lưu của nhơn-dân từ đời này qua đời khác, là trí tuệ của quần chúng, là thủ lãnh của nước nhà. Các ngài là những khi cụ hiện nhiên, là những chủ-động rõ ràng của một quyền lực thiêng-liêng dữ tợn mà thông thả. Nếu muốn khỏi quên cái trọng trách của các ngài, thì các ngài đừng quên cái thế lực của các ngài. Hãy nghĩ lại tổ tiên và xem các công việc của tiền tổ đã làm; bởi vì tổ-tiên của ngài là những đấng siêu-phàm trôi ba ngàn năm đã dui dặt hay đã làm sai lạc; đã soi sáng hay đã làm bối rối cả nhơn-loại.

Khắp cả mọi nơi và bao giờ cũng vậy, những người mơ mộng vĩ đại mà người ta gọi là tư-tướng-gia và thi-phú-gia đó, họ lẫn lộn với đời sống của thế gian và muốn nói khác nữa, là họ chung cùng hô hấp với nhơn-loại. Tư-tướng chỉ là một hơi thở, mà hơi thở đó đảo ngược thế-giới.

Ấy vậy, văn-sĩ phải thận trọng mới được. Nếu sự hành động mà can hệ đến công chúng thì họ phải nghiêm nghị ôn hòa, tự chủ và tự trọng. Nếu hành động

về thi-văn, thì trong lúc nguồn thơ thông thả lãnh hội, họ phải luôn luôn qui trọng thế thức cốt yếu của quốc-văn là cái tiêu biểu của sự chọn thiệt, và qui trọng thế thức cốt yếu của văn pháp, là cái tiêu biểu của sự diêm lệ. Theo tinh thể hiện thời của quần chúng, thì nhà văn-sĩ phải có mỹ ý với tất cả nỗi uất-muốn của cá-nhơn, phải chú tâm vào tất cả vấn-đề xã-hội, phải qui trọng tất cả chỗ bí ẩn về tôn giáo. Nhà văn-sĩ là sở hữu của các người đau khổ, của các người lạc bước, của các người tìm đường. Nhà văn-sĩ phải để cho người này một khuyến lơn, cho người nọ một quyết định và cho cả thấy một lời chọn-chánh. Nếu họ giỏi thì họ phải can phân rồi phân đoán. Nếu họ giỏi hơn nữa, thì họ quang sát rồi chỉ bảo dạy dỗ. Còn nếu họ thiệt cao thiệt giỏi hơn hết, thì họ phủ ury cho người ta. Tùy theo tài-lực của văn-sĩ, cái bàn, chỗ họ chống tay và chỗ họ phát ngôn, có khi là một tòa kết án, mà có khi cũng là một tòa giảng giải.

Hỡi văn-sĩ,

Nếu các ngài muốn xứng với danh hiệu cao vọng ấy và với chức-vụ nghiêm-khắc ấy, thì mỗi ngày — nếu có thể được — các ngài phải suy-nghiêm thêm chỗ quan hệ về chọn-lý của các ngài; các ngài phải xét cho triệt để các vấn-đề lớn thuộc nhơn-sanh; các ngài phải để vào trí ý, như những gánh nặng tối quý, nào mỹ-thuật, nào lịch-sử, nào khoa-học, nào triết học. Đẹp lắm, đáng khen lắm và lại lợi ích lắm. Được thêm vĩ-đại, thì các ngài càng được thuần mỹ hơn. Nhờ cái công-phu thiêng-liêng và bí-mật mà trau dồi cái cơ-quan lý-tượng, rồi các ngài cũng trau dồi luôn cái tâm trí nhơn-ái.

Cái cao của tinh-cảm nó phù hiệp với cái sâu của trí tuệ. Tâm và trí là hai cái mặt của cây cân. Nichi tri vào học-thuật, các ngài sẽ đưa tâm lên tới trời.

Hãy sống với trí thiên-định về cái đẹp đạo-đức, và nhơn cách biến thiên bí ẩn trong trí não, hãy nặn ra cho mọi người thấy cái đẹp thi-vi và văn-chương, cái vật chiếu diệu rạng ngời và yểu kiều tươi đẹp đó.

(Trích dịch bài "La mission des lettrés" của Victor Hugo viết hồi Janvier 1845).

VỀ CUỘC THI TIÊU-THUYẾT

Số báo trước đã đăng kết quả cuộc thi Tiêu-thuyết viết bằng quốc-văn, có 3 quyền được chấm thưởng.

Nếu chúng tôi nghe không lầm, thì quyền "Chiến đấu" chiếm giải nhì là một án văn xét cứu về bình ghen của một người chồng, mà tác giả khéo sắp đặt nên truyện được ly-ký, dễ cảm, mà lại rất hiệp với gia-đình luân-lý.

Còn hai quyền chiếm giải ba, thì quyền "Lòng háo nghĩa" là rõ-ràng cách sanh-hoạt của người ở miệt rừng cao và quyền "Bạn tôi" tả đời sống của dân quê ở nơi ruộng rày.

Về cuộc thi tiêu-thuyết, thì ngày 28 Mai 1937 Chánh-phủ Nam-kỳ đã có một lần, nhưng không có kết quả chi hết. Cuộc thi năm nay tuy không ai hưởng được giải nhưt, nhưng đã có 3 văn-sĩ được chiếm giải nhì và ba, đó là một bằng-cớ tấn-bộ của khoa tiêu-thuyết.

Chúng tôi lấy làm mừng mà nhận thấy sự tấn-bộ ấy. Chúng tôi có nghe ngoài cuộc thi tuồng hát cải-tương đã mở ra thì ngày 24 Août 1943, quan trên còn tính sẽ mở thêm cuộc thi tiêu-thuyết thứ nhì nữa và kỳ này định phần thưởng lớn hơn để giục lòng nhà văn Nam-kỳ sản xuất tác phẩm đặc sắc. Chúng tôi ước mong các bạn làng văn rón trau dồi văn-nghe đặng dự thi cho đông, làm sao chiếm cho được giải nhưt để khỏi phụ lòng Chánh-Pủ giúp đỡ và đề tô diễm nền quốc văn thêm rực-rỡ.

THƯ-TIÊN

Nam - Kỳ - Tuần - Báo

là tờ báo đáng đọc nhất ở Nam - kỳ



TRONG thời kỳ bịnh dịch người ta sợ con chuột bao nhiêu thì gĩa cái thể kỷ bạc tiền này người ta « ghét » cái nghèo bấy nhiêu. Không biết con ma nghèo nó

Thi-Thoai

ra làm sao mà ai cũng nhòm cũng gớm ? Nhưng đó là thiên hạ thường tình, chẳng trách làm chi. Đáng trách chẳng là những người đã được coi như « khác thường », có một tâm hồn vượt lên quần chúng, mà còn để tờ lòng bện bện trước sự thiếu trước hụt sau. Tôi muốn ám chỉ cái hạng thi sĩ, dầu gì cũng có một khối óc, một con tim thoát khỏi lệ thói của thế nhơn.

Thật vậy, đã có một tâm hồn hàn mạc, thì phải nghĩ, phải cảm, phải nhìn đời chẳng giống như người thường. Nếu lại cũng đeo những cương tỏa phàm trần thì làm sao « thoát tục » để ngao du trong cõi mộng ?

Cho nên tôi rất lấy làm bất mãn phải nghe một kẻ đã mang tiếng thi hào, lại để bị lung lạc một cách dễ dàng bởi cái nghèo, cái khó :

*Cái khó theo nhau mãi thế thôi !
Có ai hay chỉ một mình tôi ?
Bạc đầu ra miệng mà mong được,
Tiền chưa vào tay đã hết rồi !
Van nợ lấm khi tràn nước mắt
Chạy ẩn tưng bĩa loát mồ hôi !
Biết thân thuở trước đi làm quách,
Chẳng kỹ, không 'hông' cũng cậu bồi !*
(Tú Xương)

Thật là tầm thường, hèn hạ quá ! Tệ nhất là câu kết, nó làm mất cả giá trị của một cái chí hướng lẽ ra phải đứng vững trước mọi biến cố dầu đến đối phụ phàng.

Là thi sĩ là làm cho cái xấu trở nên tốt, cái đắng trở nên ngọt, thi vị hóa cõi đời phù mộng này, lý đầu lại làm cho trở nên đáng ghét cái nghèo mà thiên hạ đều chê ? Thiết tưởng một kẻ tầm thường như tôi, trước cái cảnh nghèo có khi còn không « bị quan » đến đời !

Là thi sĩ phải nhìn cái nghèo rất nên thơ, thấy ở đó cái gì khác hơn thiên hạ.

*Bữa đời bữa no ư ? thi sĩ
Cơm tẻ ngày hai vui với phận
Thang máy chờ thuở vừng chơn leo*
(Thuần-Đức)

Nhà có trống trước quanh sao ư ? Thi : Không chỗ bạn ngồi dùng ghế dùng thiếu giường nằm đất khỏi trèo leo.

(Quốc-Biêu)
Cái nghèo có gì đáng giận đáng phiền đâu !

Đổi với nhà thơ nó vẫn không làm bạn rợn được. Có khi nó còn đẹp đẽ, có nét mộng kiều nữa :

*Hữu chi năm nhà trời cũng chừng
Vô tâm bốn nguyệt bóng dóm theo.*
(Thuần-Đức)

Nóc hồ, vách thưa mà không kiên mưa nắng, như vậy mới gọi là có cái tâm hồn thơ thói của một chơn thi sĩ Á đông.

Nếu người ta không thể nhìn cái nghèo một cách bình tình :

*Vung nền đạo đức, chẳng lo nghèo.
Mặc ý cho mi rán sức theo.
Gạo ít rau nhiều dùng đủ bữa,
Sóng to thuyền mọn cứ nường leo.
Tuyết soi sách đọc, lòng khôn mỏi,
Trắng tỏ mắt nhìn ruột hết teo.
Thả tuổi câu vàng nơi bãi Lẻ,
Tiền sen lỗ nhỏ sẵn trời gieo*
(Đào-Châu)

hay một cách cao thượng triết nhơn :

*Hiền xưa lo đạo chẳng lo nghèo
Hồng hẽ lộc rừng một gánh theo
Nón sắn che thân sương mài mặt
Thuyền tre phỉ dạ gió xuôi leo
Sớm nương lều cỏ miền thông thỏa
Chiều vắt rèm gai ảnh vắng leo
Xuân mãn thu sang bàn thạch ăn
Móc môi thú vị mặc tình gieo.*
(Phong-Niên)

thi hãy cứ hiểu cái lẽ đầy vơi của trò đời xây chuyền mà cam đành một cách can đảm với cảnh ngộ mình :

*Trời đã cho ta một chữ nghèo,
Cấp ca cấp củm đẽ mà đeo.
Khôn tiền khôn bạn lo nhiều nỗi,
Càng khổ càng thêm học lắm điều.
Hữu chi năm nhà trời cũng chừng,
Vô tâm bốn nguyệt bóng dóm theo.
Dầu ai muốn hỏi bạo lực sân ?
Rằng : mãnh tâm điền đủ cấy gieo !*
(Thuần-Đức)

Muốn có cái thái độ « khinh, nghèo », xem nghèo là thơ, là đẹp, thì nên un, đục lấy cái

THI TUỞNG HÁT

Trong N.K.T.B. số 36 ngày 20 Mai 1943. Thứ-Tiền nữ-sĩ viết bài « Chú trọng quốc-văn », có ước mong Chánh-phủ mở cuộc thi tuồng hát để chơn thưởng nhơn-tài về kịch-nghệ.

Vả Chánh-phủ quyết giúp tài-bồi nền văn-học Việt-Nam, mà tuồng hát cũng thuộc về khoa văn-chương như tiểu-thuyết, bởi vậy ngày 24 Aoút 1943 quan Thống đốc Nam-kỳ đã ký nghị-định mở cuộc thi tuồng hát điệu « Cải-lương » / thưởng giải nhất 1.000\$ và giải nhì 500\$.

Điều-kiện về cuộc thi đã có đăng trong N. K. T. B. Điều hát « Cải-lương » ở Nam-kỳ rất thanh-hành, bạn hát nào cũng có viết tuồng, thể thì trong cuộc thi này chắc sẽ có đóng người hưởng ứng.

Muốn giúp ích cho chư qui cũ-từ chũt đĩnh, chúng tôi xin dịch dẫn dưới đây bài « Mục-dịch của thi-sĩ soạn kịch » của Victor Hugo viết ngày 17 Novembre 1833, ấy là bài tựa của tuồng hát « Marie Tudor » vậy.



Mục-dịch của thi-sĩ soạn kịch

Trên sân khấu có hai cách làm cảm cũ-tọa : hoặc cảnh tình vĩ-dại, hoặc cảnh tình chơn-thiệt. Cái vĩ-dại làm cảm quần chúng, cái chơn-thiệt làm cảm cá-nhơn.

Ấy vậy dầu trí ý của thi-sĩ đối với nghệ-thuật thế nào cũng vậy, cái mục-dịch của người soạn kịch trước nhứt cần phải tìm cái vĩ-dại như Corneille, hoặc tìm cái chơn-thiệt như Molière, hay là còn hơn nữa — nếu muốn đi đến tận cõi cao vợi tuyệt vời của bực thiên tài — thì cần phải gồm cái vĩ-dại

đức của cụ Cử Trị nhơn danh là một lớp mây bay, cái đạo của cụ Đờ Chiêu xem lợi là bọt nước rá, phải có cái khí tiết của một sĩ phu, một thi nhơn chơn chánh : chờ không chán nản, tiến không hợp lớp, ở trong bóng tối chẳng ư tù, ra ngoài ánh sáng không lòa quáng...

Trước khi mang danh thi sĩ, hãy luyện lấy cái tâm hồn thi sĩ đã.

Tây-đồ AN-SI

với cái chơn-thiệt, cho cái vĩ-dại lộn trong cái chơn-thiệt, cho cái chơn-thiệt lộn trong cái vĩ-dại, như Shakespeare.

Chúng ta nên chú ý về chỗ này : trong tác phẩm của Shakespeare người đã biết

dung hòa, hiệp nhứt, xáo lộn luôn luôn hai cái hay ấy, cái vĩ-dại với cái chơn-thiệt, hai cái nghịch-hắn nhau, hay là khác nhau vì bởi chỗ dở của cái này lại là chỗ hay của cái kia, mà người hòa hiệp được, bởi vậy thiên-tài của người mới chiếm được, địa vị bá chủ. Cái nguy-nan của chơn-thiệt là cái nhỏ, cái nguy-nan của vĩ-dại là cái giả. Mà trong các tấn tuồng Shakespeare thì cái vĩ-dại lại chơn-thiệt và cái chơn-thiệt lại vĩ-dại.

Ở trung-tâm của các tác-phẩm Shakespeare người ta nhận thấy là chỗ gặp-gỡ của cái vĩ-dại và cái chơn-thiệt, mà chỗ nào hề vĩ-dại với chơn-thiệt gặp gỡ nhau thì nghệ-thuật tràn-trề viên mãn. Shakespeare, cũng như Michel-Ange, hình như có cái thiên chức phải giải quyết cái vấn-đề quái lạ này, xem qua như phi lý : « Luôn luôn ở trong phạm-vi tạo-hóa, nhưng có khi cũng biết ra ngoài ». Shakespeare dẫu ra ngoài phạm-vi, song biết giữ chắc tỷ lệ. Đẹp-đẽ thay cái mãnh-lực của nhà thi-sĩ ! Người đào tạo ra nhơn-vật cao quý hơn chúng ta, mà lại sống cũng như chúng ta ! Kia như Hamlet cũng là người như ta, mà vĩ-dại hơn ta. Hamlet vĩ-dại quá, không phải như các bạn, không phải như tôi. Hamlet là hết thấy chúng ta đây, Hamlet chẳng phải là một người nào, mà là người ch'ng của nhơn-loại.

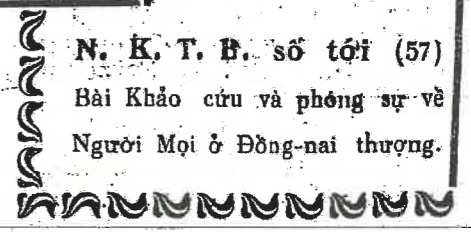
Chăm nom rút ra để phô bày cái vĩ-dại giữa cảnh tình ch'ng-thiệt, và cái ch'ng-thiệt giữa cảnh tình vĩ-dại, đó là mục-dịch của thi-sĩ về kịch-nghệ. Và hai cái ấy, vĩ-dại với chơn-thiệt, bao gồm tất cả. Cái chơn-thiệt gồm luân-lý, cái vĩ-dại gồm mỹ lệ.

VICTOR HUGO.

(Dịch theo bài tựa tuồng « Marie Tudor »)

HÃY ĐÓN XEM !

N. K. T. B. số tới (57)
Bài Khảo cứu và phóng sự về
Người Mọi ở Đồng-nai thượng.



NĂM Canh-uất (1790) chúa Nguyễn-Anh thăng cụ Huynh-Đức lên chức « *Quân Hữu-quân-dinh* ». Qua mùa thu, quân Tây-sơn vây Lê-văn-Quán trong thành Phan-rí. Cụ được lệnh phải hiệp với Nguyễn-văn-Trương và Võ-Tánh đem binh đi cứu viện. Binh Nguyễn phá giặc vỡ tan và giải vây cho thành Phan-rí.

Năm Nhâm-tí (1792), vua dạy đại binh ra đánh Thi-Nại. Cụ Huynh-Đức đương giữ Bà-Rịa, được lệnh phải tẩn binh ra đánh Phố-Hải. Giặc nghe binh cụ gần tới thì bỏ đồn mà chạy. Cụ tính kéo binh đi luôn ra lấy Phan-rí. Vua nghe Binh-Thuận thất mùa dân đói, sợ binh thiếu lương, nên triệu cụ trở về.

Năm Qui-sửu (1793) cụ đốc quân đồn cây, giúp với mấy tướng Pháp coi đóng chiến thuyền. Cụ thăng chức « *Khâm-sai chưởng Hữu-quân-dinh, Bình-tây Phó Tướng-quân* », theo giúp Tôn-thất-Hội, đánh lấy Bình Thuận, rồi thừa thắng đi thẳng ra Qui-nhơn hiệp với thủy-quân mà vây thành. Chừng giặc có viện binh đến cứu, vua mới dạy ban sư. Cụ được lệnh quân suất hai chi binh là Túc-Oai và Kiến-Võ ở giữ Phố-Yên, còn đại binh thì trở về giữ Bình-Khương. Chẳng bao lâu lại có chầu triệu cụ về Gia-định. Cụ dâng biểu xin cho ở lại Diên-Khánh mà phò Đông-cung. Vua phê cho, rồi sau cũng dời về.

Giặc vỡ vây Diên-Khánh. Vua dạy cụ Huynh-Đức trấn thủ Gia-định, rồi ngự giá đi phá-giặc mà giải vây Diên-Khánh. Vua dẹp an rồi ban sư.

Tướng giặc là Trần-quang-Điệu cử đại binh vỡ vây Diên-Khánh nữa, lần này lại phân binh vỡ giữ Bình-Thuận để cản đường viện binh. Vua nghe báo bèn phát ba ngàn binh và dạy cụ Nguyễn-văn-Thành lãnh binh ấy ra giữ Bình-Thuận. Cụ Thành sợ binh ít không đương cự mỗi với giặc nên cáo từ, không dám lãnh mạng.

Cụ Huynh-Đức nói : « Có ba ngàn tinh binh, thì đủ hoành-bành trong thiên-hạ, hà tất giữ nội Bình-Thuận nào có khó chi. Tôi xin lãnh mạng ». Vua bèn dạy cụ lãnh ấn chánh-tướng và cho cụ Thành theo phò giúp. Binh ra tới Phan-rí gặp tướng giặc Lê-Trung ngăn cản. Cụ Huynh-Đức tẩn binh không được, nên phải trở lại Phố-Hải, kể hết lương hướng, lại phải thối luôn về Bà-Rịa.

Vua hay tin nổi giận nên phán : « Ra binh để đánh giặc mà nghe giặc mạnh thì lật-tật thối lui, cầm binh gì mà yếu-ớt quá ! Phải răn chiến

Tiêu su' cu

(Tiếp

thắng mới khỏi tội ». Vua dạy cụ phải theo Tôn-thất-Hội điều khiển đặng lập công chuộc tội.

Năm Bình-thìn (1796) cụ Huynh-Đức thăng chức « *Khâm-sai chưởng Hữu-quân Bình-tây Tướng-quân* » và ở trấn thành Diên-Khánh.

Năm đinh-tỵ (1797) đại binh ra đánh Qui-nhơn thì cụ theo vua phá giặc, ra công Quảng-Nam rồi trở về hiệp cùng Nguyễn-văn-Thành đánh lấy Phú-yên.

Năm mậu-ngọ (1798) Xiêm-la bị Miên-diệp xâm lược nên cầu cứu với ta. Chúa Nguyễn sai cụ Huynh-Đức với cụ Nguyễn-văn-Trương đem binh trợ lực. Khi binh ta ra tới hòn Côn-Nôn, Miên-diệp hay tin thì lo sợ nên rút binh về nước. Cụ Trương dẫn binh trở lại, còn cụ Đức thì lãnh quốc-thơ đi thẳng qua Xiêm để kết tình giao hảo.

Năm kỷ-vị (1799) cụ Huynh-Đức theo vua đánh Qui-Nhơn, cụ hiệp với Võ-Tánh phá giặc tại Thị-Giả và Tân-An-Kiều rồi thâu phục Qui-Nhơn. Chừng đại binh trở về Gia-Định thì cụ vâng lệnh coi xây đồn Mỹ-Tho lại Trấn-Định.

Năm canh-thân (1800), binh Tây-sơn vây Qui-Nhơn. Đại binh ra ứng tiếp, thì cụ Huynh-Đức được lệnh đóng binh tại Cù-Mông do Nguyễn-văn-Thành tiết chế.

Năm tân-dậu (1801), mùa hạ, đại binh kéo ra đánh Phú-Xuân, thì cụ Huynh-Đức thống lãnh binh thuyền ở lại giữ Thi-Nại. Chừng nghe vua đã thâu phục Phú-xuân rồi cụ dâng biểu xin ra kinh kiến giá. Vua phán việc Qui-Nhơn chưa xong và khuyên cụ phải ở lại để hiệp với chư tướng mà trừ Trần-quang-Điệu và Võ-văn-Dống.

Năm nhâm-tuất (1802) hai tướng Tây-sơn liệu thế kh'ng chống cự nổi nữa, nên bỏ thành Qui-Nhơn kéo binh lên thượng đạo để qua Ai-Lao, Chúa Nguyễn-Anh tức vị mới ban cho cụ Huynh-Đức tước *Quận-công* và dạy cụ lãnh trấn Qui-Nhơn.

NGUYỄN HUYNH-ĐỨC

(theo)

Năm Gia-Long thứ 7 (1808) cụ được triệu về Kinh rồi hiệp cùng Lê-Chất coi việc kiến trúc quan lộ từ Quảng-Nam vô Khánh-Hoà, Bình-Thuận.

Năm Gia-Long thứ 9 (1810) cụ lãnh chức *Tổng-Trấn Bắc-Thành*. Hiệu lệnh của cụ thì nghiêm chỉnh và rõ-ràng, bởi vậy ai cũng bực phục. Cụ khéo giao tiếp với bực sĩ-phu bởi vậy được người tá trợ dùng-lấn như Võ-trong-Đội và Võ-Huỳnh.

Năm Gia-Long thứ 11 (1812) cụ về Kinh dự lễ nhinh-lãng của Hiệu-Khương Hoàng-hậu, sung chức *Tổng-hộ-sứ*, rồi dời qua chức « *Khâm-sai chưởng Tiền-quân* » trở ra Tổng-Trấn Bắc-Thành lại.

Năm Gia-Long thứ 14 (1815), mùa hạ, cụ về Kinh chầu vua, và nhân dịp ấy xin từ chức *Tổng-Trấn Bắc-Thành* đồng về Gia-định an nghỉ. Vua hay tin thì sai sứ mấy lần vào thăm, và khuyên cụ ở tại trấn mà dưỡng binh, đợi mệnh rồi sẽ về.

Năm Gia-Long thứ 15 (1816) cụ Huynh-Đức được chiếu dạy thế cho cụ Lê-văn-Duyệt lãnh *Tổng-Trấn Gia-định*. Cụ dâng biểu tâu rằng cụ đã bất tài, mà Gia-định là trọng địa, lại công việc nhiều, sợ một mình không kham, nên xin chọn người tá trợ. Vua nhậm lời xin, bèn dạy cụ Trịnh-hoài-Đức làm *Hiệp-Tổng-Trấn* để giúp cụ.

Năm Gia-Long thứ 16 (1817), cụ có bệnh. Vua ban cho cụ một cân quế Thanh để uống mà dưỡng binh. Cụ về Trường-Khánh cất sẵn nhà thờ, coi lập sanh phần, đến năm Gia-Long thứ 18 (1819) ngày mùng 9 tháng 9 cụ hoãn, hưởng thọ 72 tuổi.

Vua Gia-Long hay tin hết sức thương tiếc, truy tặng cụ Huynh-Đức tước « *Dực vận công thần, đặt tấn phụ quốc Thượng-Tướng-quân, Thượng-Trụ-quốc, Thái-Phó Quận-công* » ban gấm lụa vàng bạc và phải quan trấn Định-Tướng đến tể.

Năm vua Minh-Mạng tức vị (1820) bãi vị cụ được đem thờ trong miếu Trung-hưng công-thần, vua lại cấp người giữ mộ.

Năm Minh-Mạng thứ 5 (1824) vua dạy khắc tên cụ mà thờ trong Thế-miếu và cấp tự điền để cúng tế.

Năm Minh-Mạng thứ 12 (1831) ngày 17 tháng 11, vua còn truy tặng chức « *Tá vận công thần, đặt tấn trạng vô Tướng-quân, Tiền-quân Đô-thống phủ Chưởng-phủ-sự, Thái-phó, Kiến-Xương Quận-công* ».

Sử phê cụ Huynh-Đức là người trung thành thuần phác, phò vua dầu cực nhọc, gian hiểm thế nào cũng chẳng hề đổi chí, làm người khó giữ tiết được như cụ.

Vua Thế-Tổ (Gia-Long) thường nói với thị thần : « Huynh-Đức chẳng khứng đầu giặc, trong lúc rằm gian nan, lược xông ngàn cực muôn hiểm cứ theo phò rằm, người như vậy thì cao quý hơn hạng tầm thường xa lắm Đả vậy mà lại biết giữ tánh cứng kính thần trọng. »

Vua Thánh-Tổ (Minh-Mạng) lại khen trong đám vô-thần duy có Huynh-Đức là người biết lễ.

Cụ Huynh-Đức có bốn người con :

1° Nguyễn-huỳnh-Toán, làm quan chức *Phiêu-ky đô úy*, năm Gia-Long thứ 17, được vua gả Công-chúa thứ 5 là Thái-Bình Ngọc-Châu, đến năm Minh-Mạng thứ 5 thì thất lộc, táng tại Phú-xuân ;

2° Nguyễn-huỳnh-Thành làm quan chức *Khinh-ky đô-úy*, năm Minh-Mạng thứ 10 vua gả Công-chúa Định-Hòa Ngọc-Cơ, là em gái thứ 13 của vua rồi dời lại chức *Phò-mã đô-úy*, năm Minh-Mạng thứ 13 thì thất lộc, táng tại Đông-xuân, có để lại một người con tên Nguyễn-huỳnh-Kiểm ;

3° Nguyễn-huỳnh-Nhiên, làm quan chức *Chư quân Phó Vệ-úy* ;

4° Nguyễn-huỳnh-Tha, làm quan chức *Tiền-phương-dinh Phó Vệ-úy*.

Nhiên và Tha sau có tội nên cả hai đều bị giải chức.

Khi Phò-mã Nguyễn-huỳnh-Thành mất rồi Công-chúa Ngọc-Cơ cất am gần mộ ở thủ tiết và nuôi con. Đến năm Tự-Đức thứ 4, Nguyễn-huỳnh-Kiểm được tập phong *Kiến-xương-Tử*, lãnh phụng tự cha mẹ.

Cụ Huynh-Đức lại có một người con nuôi, tên Nguyễn-dinh-Phổ, cũng có công lớn về quân-vụ, nên triều Minh-Mạng được thăng tới chức *Tổng-Đốc Ninh-Thái* (bắc-Ninh và Thái-Nguyên).

(Coi tiếp qua trang 12)

QUAN TOÀN-QUYỀN

viếng các tỉnh Namkỳ

Hôm đầu tháng Octobre, quan Toàn-quyền Đông-Pháp Jean Decoux và quan Thống-đốc Nam-kỳ Ernest Hoeffel có đi viếng các tỉnh ở miền Hậu-giang. Ai có mục kích các cuộc biểu diễn và những cuộc nghinh tiếp long-trọng ấy, chắc không bao giờ quên được. Ấy là một ngày đáng kỷ-niệm, một ngày mà quả tim của xứ Namkỳ tốt đẹp này run động lẫn thứ nhứt.

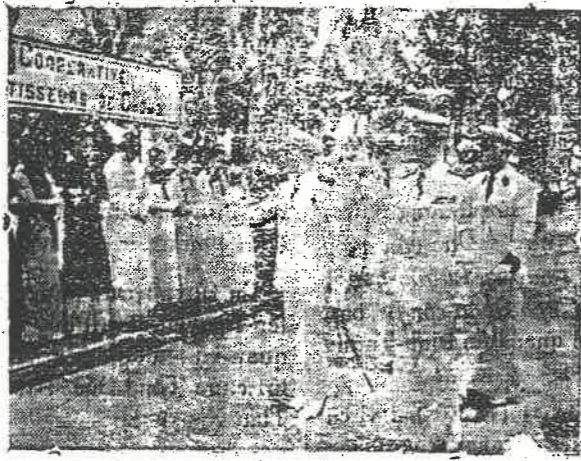
Khắp cả cảnh đồng xanh tươi vì cây cối, hay vàng lườm vì lúa chín, dưới ánh sáng của vầng Thái-dương chói dọi, và gió thổi hiu hiu, già trẻ bé lớn, giàu nghèo, quan dân đều tụ hội và đứng dài theo hai bên lề đường để chực chào mừng người đại diện cho Pháp quốc.

Hương chức long, Cai Phó tổng, các quan Huyện, Phủ, Đốc-phủ-sứ, các vị giáo học, những công chức già trẻ đều có mặt ở giữa đám nông-gia điền-chủ đông vô số.

Tại các sân vận động, hàng vạn bạn thanh niên nam nữ, cái đám thanh niên vui vẻ, trẻ trung và gân gờ của xứ Nam-kỳ, cũng đều tụ hội lại dưới sự chỉ huy của các huấn luyện-viên Thể-dục.

Tại sao lại có những cuộc hội hiệp đồng đảo và vui vẻ như thế? Chính là để tiếp rước và hoan nghinh quan Toàn quyền, trọng trung của Đại-Pháp ở xứ này, và cũng để tỏ lòng tin nhiệm và biết ơn của toàn xứ Nam-kỳ đối với Đại-Pháp, nhứt là trong bước chẳng may của Đại-Pháp.

Long trọng mà cảm động nhứt là ở Cánh-tho và Châu-độc, do những tay cộng sự trung thành và nhiều năm với Chánh-phủ đã thốt ra những lời ân nghĩa với một giọng run run vì cảm động, những lời ấy



Cuộc nghinh tiếp quan Toàn-quyền ở Hậu-giang.

đã đi thẳng vào tâm khảm người đứng nghe, bởi vì chính nó cũng ở tận đáy lòng của dân Nam-kỳ mà phát ra vậy.

Những lời ấy trước hết là lời cảm ơn của một dân tộc đã thoát khỏi, nhờ sáng kiến của người hướng đạo, những tai hại ghê gớm của họa chiến-tranh. Sau là những lời bày tỏ sự li tâm nhiệm của một dân tộc chỉ chuyên một nghề cày cấy sâu, gieo mạ gặt lúa, đã hiểu rõ sự chiêu cổ tận tình và hiệu lực của các nhà cầm quyền đối với dân, và cũng đã nhận chân cái giá trị của sự lo lắng của Chánh phủ để sửa đổi sự sanh hoạt của dân cho mỗi ngày một thêm tốt-thời mãi.

Nhị vị Thủ hiến đã đến viếng tận các vùng hẻo lánh, mà lâu nay chưa có một quan Toàn-quyền nào đến bước đến. Quan Toàn quyền làm như vậy hiển cho tất cả nhơn dân ở nơi làng xa chợ vắng cũng phải vui mừng và cảm ơn, bởi vì họ đã thấy rõ nhà cầm quyền chẳng hề bỏ qua một hạng dân nào, mà không chú ý để giúp cho họ an cư lạc nghiệp.

Khi đến Cánh-tho, vị Thủ hiến Liên-bang Đông Pháp có nhắc lại, suốt 80 năm trời, người Pháp Nam đã cộng tác ở xứ này, đã chung vui chung buồn với nhau như con một mẹ. Thế thì còn ai mà không hiểu cái lợi quyền đã dính líu với nhau, mạng vận đã dính líu với nhau, và sự làm việc của hai bên để làm cho Namkỳ càng thêm phú cường, càng thêm tốt đẹp, vẫn là trách vụ chung của hai giống người trong xứ.

Vì lẽ ấy mà chúng tôi tin chắc quan Toàn-quyền Đông-Pháp có thể tin cậy ở sự đồng tâm nhứt trí của dân Namkỳ, luôn luôn ở chung quanh người đại diện cho Pháp-quốc và khi nào ngài cất tiếng kêu gọi sẽ có tiếng trả lời ngay.

« Cổ Namkỳ đây ! »

CHUYỆN MỠI TUẦN

THẾ-LỰC VĂN-CHƯƠNG

T lâu nay « Nam-kỳ Tuần-bào » cứ liên-liếp ra số đặc biệt hoài.

Mà hề đặc-biệt thì câu « Chuyện mỗi tuần » phải bị hi sinh. Một là nó không có chỗ. Hai là không phải chỗ của nó.

Giữa những câu chuyện thanh-tảo về văn-học, hay những câu chuyện trang-nghiêm về đạo-đức, Lạc-quan-Nhơn không được phép khời-hài cùng độc-giã.

Nhưng trong khoảng thời-gian vô-sự đó, tôi vẫn gặp độc-giã ở một thế-giới cao-siêu.

Hai kỳ có diễn-thuyết ở đài vô-tuyến-điện Saigon, tôi đều có tới nghe hết thảy.

« Ngày Văn-học » để kỷ-niệm Nguyễn-Du và lễ « Thu-Đình » để nói về Khổng-giáo, tôi đều có dự phần vỗ tay lân-thưởng như 19 diễn-giã đã lên tiếng ở không-trung.

Lời nói của họ phát ra đã được bay bổng tuyệt-mù theo mây, theo gió, nhưng lại có người hứng-đỡ ở khắp bốn phương trời.

Những câu văn hay, những ý tưởng đẹp nếu cứ ở miệng người này nói thẳng vào tai người khác tuy vẫn hay, vẫn đẹp như thường, nhưng hãy còn thiếu một phần thi-vi.

Đặng này chúng nó vượt thẳng lên mây tầng mây xanh, tầm gọi trong vầng thanh-khi, rồi

mới thâu tới các bạn xu, gần, hà không phải là những cuộc hội-ngộ cao-nhã lắm sao?

Trong những lúc ấy thì trí tưởng-tượng của tôi cũng đi theo con đường đó mà tìm kiếm các bạn văn-chương tri-kỹ.

Như thế cũng là những cuộc thần-giao cách-cảm.

Mà những cuộc thần-giao cách-cảm như thế, dùn, có tưởng rằng không ảnh-hưởng gì đến đời sống thiết-thực của chúng ta đâu!

Tôi có một ông bạn làm điền-chủ ở Lạc-tĩnh. Ông nói ở Saigon mua nhiều hơn ở miền ruộng là vì ở đây có nhiều đài vô-tuyến-điện đã làm kinh-động không trung, đã quấy mây, đã gọi gió, và đã làm cho mưa tuôn với-xã, làm-tã đêm ngày.

Lời nói có đượm mùi khoa-học, nhưng đã làm thỏa-mãn khách văn-chương.

Nghĩ lại xưa kia Khổng-Minh phải khổ-công đào-vỏ mới có nước của Trời.

Đời nay những văn-nhơn, nghệ-sĩ, đã có thể đưa tiếng nói, câu ca và những nhạc điệu trầm-bồng lên thượng-tầng không-khí để hó-phong, hoá vô cho mắt-mẽ cảnh nhơn-gian.

Văn-chương, nghệ-thuật đã kinh-động tới trời, hà lại vô-dụng cho người hay sao?

LẠC-QUAN NHƠN



Khách — Ông tinh tiến theo cái toa này mất quá. Vậy xin ông vì tình đồng-nghiệp bớt cho tôi chút ít.

Chủ quán — Vâng! Tôi bớt cho ông 20%, và trước hết, xin ông cho tôi biết nghề nghiệp của ông.

Khách — Tôi làm nghề ăn cướp!

IX. — Lèn Tân-an

RA đi đã hơn ba tuần lễ, nay tới Tân-an, gần đường về Saigon, bỗng nhiên chúng tôi cảm thấy lòng rạo-rực.

Việc nhà, chúng tôi dần lòng dễ dè qua một bên; việc thế-giới, chúng tôi giả điếc đờ ngoài tai, hầu có thể gom cả tinh-thần vào phận-sự « đi tìm dấu người xưa ».

Tuy nhiên, đã sanh làm con vật có tâm não, chúng tôi làm sao tránh khỏi tình nặng gia-đình, nghĩa sâu tổ-quốc. Bởi thế những đêm thanh vắng, tạm gởi thân trong đình, chùa, nhà lạ, giữa chốn heo lánh xa xôi, ngời ngấm đám sao chi chít trên bầu trời đen kịt, hứng lấy ngọn gió hiu hiu của đồng rộng, sóng sáu, lòng chúng tôi bất giác bồi hồi, vì không biết sức khỏe của thân-nhơn thế nào, cuộc cơ thế-giới xoay-trở ra sao?

Chẳng hiểu người xưa đất Việt khi dẫn thân vào đại sự còn có những nỗi bận lòng như bọn hậu sanh chúng tôi mới vừa làm một việc hết sức nhỏ nhặt và xa nhà chưa quá một trăng? Muốn gõ đá đập cây hỏi lại, nhưng chính e hứng lấy giọng cười thương hại, lời nói chua cay của tiền-nhơn trước những tâm-hồn uỷ-mỹ, những tinh-thần yếu ớt thiếu cả nghị-lực và đức hi-sinh của người đời nay.

Vả lại hạn-kỳ của cuộc du-lịch bỏ ịch và lý-thủ này gần mãn thì dầu muốn dầu không dầu gấp dầu hoãn, chúng tôi cũng phải về Saigon cho đúng ngày đã định. Thế nên mặc cho lòng rạo-rực, công việc đang làm chúng tôi phải làm cho trọn; tỉnh Tân-an có ghi trong hành-trình, chúng tôi không được bỏ qua.

Ai đã đi qua một lần trên đường Mỹ-tho Tân-an và sẵn có cặp mắt tò mò, hẳn không khỏi dễ ý tới một tấm bảng có mấy chữ « Tombeau du Maréchal Đức » ở một ngã ba đường, phía tay trái.

Nguyễn-huỳnh-Đức sanh tại giồng Cái Ân, làng Trường-khánh, huyện Kiến-hưng, tỉnh Định-tường, nay là làng Khánh-hậu, tỉnh Tân-an. Đức vốn họ Huỳnh, nhưn có công lớn với vua nên được theo họ Nguyễn.

Trong khi đánh với Tây-sơn, Nguyễn-Anh nhiều phen nhờ Đức cứu khỏi chết.



Năm Qui-mão (1783) Đức bị Tây-sơn bắt đem về Nghệ-an; nhưng sau người trốn thoát và mang một đạo binh sang tận Xiêm-la tìm vua Nguyễn. Người có dự các trận đại chiến Phan-rí, Qui-nhơn, Diên-khánh.

Khi yên giấc, Nguyễn-huỳnh-Đức lãnh chức Tổng trấn Bắc-thành (Hà-nội) và được phong Khâm-sai chương Tiên-quân.

Là một đại công-thần của nhà Nguyễn nên năm Đinh-hợi (1827) Minh-Mạng thứ tám, Nguyễn-huỳnh-Đức được thờ trong Thế-miếu, và năm Tân-mão (1831) được truy tặng Kiến-xương Quận-công.

Mộ và đền thờ Nguyễn-huỳnh-Đức ở tại làng Khánh-hậu, tỉnh Tân-an như trên đã nói.

Mộ rộng lớn vừa sửa chữa lại ít lâu nay nên nét cũ đã mất đi đôi phần.

Đền thờ là một gian nhà thường có vẻ dày dặn với nắng mưa. Trong đó còn giữ được nhiều vật kỷ-niệm về Kiến-Xương Quận-công, như một bức chơn-dung, một cái ghế ngồi, một bộ văn-dây, một cái mai cặng và một cái khánh.

Hiện nay họ Nguyễn-Huỳnh còn người kế tự. (1)

Rời làng Khánh-hậu, chúng tôi ghé tỉnh-lý Tân-an nghỉ vài giờ rồi qua bến đò Chú Tiếc, tại vàm Châu-phé, trên sông Vũng-gù (Vàm cỏ tây) đặng đi viếng mộ-địa gia-quyển ông Hồng.

Ông Hồng tên thiệt là Phan-văn-Nghêu, gốc người miền Trung vào Đồng-Nai khai khẩn đất hoang, làm ăn phát đạt và trở nên một tay cự phú trong vùng.



Cái tên riêng « Ông Hồng » có lẽ là do người đồng thời đặt ra, ngụ ý vì tiền của ông Phan-văn-Nghêu nhiều không thể đếm, chẳng khác nào mỏ-hồng, (một thứ khoáng sản đen quện đồng trên giàn bếp).

Danh Ông Hồng lưu truyền về sau và đã thành bất tử với câu tục ngữ: « giàu không bằng c... (2) Ông Hồng », để biếm-nhê những kẻ vừa có của ít nhiều đã vội ra mặt làm sang.

Trong khi Nguyễn-vương lo phục-nghiệp, Ông Hồng hết lòng giúp ngại về việc quân lương. Ông tận tâm đến nỗi không màng hao của tôn công, dốc suất dào một con kinh để tiện việc vận lương. Kinh đó ngày nay hãy còn và có tên là « kinh Ông Hồng ».

Cũng như ông Bô Nguyễn-văn-Hậu ở Hội-oa (Nước-Xoáy, Sadec), ông Hồng giúp vua Nguyễn chỉ vì lòng vị-tha chứ không vì danh-vọng phẩm-hàm nên ông không thọ lãnh chức tước chi cả, khi Nguyễn-Anh thâu phục được sơn hà nhờ ơn người nghĩa cử.

Tới làng Bình-lãng, bằng ruộng độ năm trăm thước, vào ấp Định-hòa, chúng tôi gặp một người trai vạm vỡ, đầu trần quần xắn đang cuốc đất lên giồng quanh một khoảnh đất rộng không hơn trăm thước vuông và trên đó có bốn ngôi mộ cổ, Hỏi ra thì đó là ông Phan-văn-Chơi, cháu ba đời của Ông Hồng.

Ông Chơi vui vẻ dẫn chúng tôi đi xem mộ.

Bốn ngôi mộ bằng nhau đều xây theo kiểu thuộc đời Gia-Long, hình mái nhà. Trên hai ngôi mộ của bà và ông Hồng còn lưu lại nét nổi mờ mờ những hình con cừ, con phụng. Phía trước mộ có bình phong, hồ bán nguyệt

và phía sau có vòng tường thấp bao tròn ba mặt.

Hai ngôi mộ kia thuộc hai người con. Một ngôi lại nứt nẻ đến nỗi lòi cả hòm ra ngoài.

Cảnh tang thương của toàn mộ-địa không những thấy rõ với cỏ cây lan mọc, nước đọng vũng sâu, mà cả những sứt mẻ của vôi gạch, bề nát của đá ong. Hoang-phế thật là hoàn-toàn hoang-phế.

Nơi an giấc ngàn thu của một gia-đình phú hộ vào bực nhứt nhì đất Gia-định xưa, có thể thế này được ư? Sao lại không, khi chúng tôi nhìn lại ông Phan-văn-Chơi hiện-diện, tay lấm chùn bùn, đầu bù tóc rối, cực nhọc vất vả suốt ngày để kiếm miếng ăn cho bầy con thơ ba đứa.

Ông Chơi mời chúng tôi vào nhà ông cách mộ-địa vài trăm thước. Một gian nhà lá trống trước trống sau càng chỉ rõ cái nghèo hiện-tại của một họ mà tiền của trước kia đã nuôi nổi một đạo binh, giúp nổi một ông vua phục nghiệp.

Nghèo thì thật là nghèo, nhưng giữa nhà vẫn còn trang-nghiêm một cái bàn thờ trên có tấm biển khắc hai chữ « Thọ Dân » của vua Minh-Mạng ban.

Ông Chơi thanh-dạm đãi chúng tôi gì i khát bằng nước dừa tươi và thuật cho chúng tôi nghe gia-thế của ông. Theo ông thì một phần lớn điền sản của họ ông đã bán cho ông Huyện Sĩ và hiện nay ở về hai làng Hoà-ai, Huế-mỹ-thành (Tân an) còn nhiều ruộng công-điền mà trong bộ lại ghi tên Bà-hộ Phan-văn-Nghi, cháu nội ông Hồng. Ông Chơi không hiểu vì sao lại có chuyện éo-le thế.

Rồi không nệ thất công, ông mời chúng tôi đi xem ngôi đình của làng Bình-lãng đã nhờ tiền của ông Hồng dựng nên. Ngôi đình đã hư nhiều. Bên trong còn một cặp hạc rất cổ và một cái hương-án chạm trổ công phu, sơn son thếp vàng, có chữ khác là do Phó-thủy-sur Đô-đốc Võ-văn-Liêm (?) cúng.

(Còn một kỳ nữa)

KHUÔNG-VIỆT.

(1) — Muốn biết rõ về Nguyễn-Huỳnh-Đức, xin xem quyển « S.E. Nguyễn-huỳnh-Đức » của ông Michel Mý, Saigon Al Portail, 1926 và Bull. des Amis du Vieux Huế, năm 1914, trang 139-140.
(2) — Phàn.

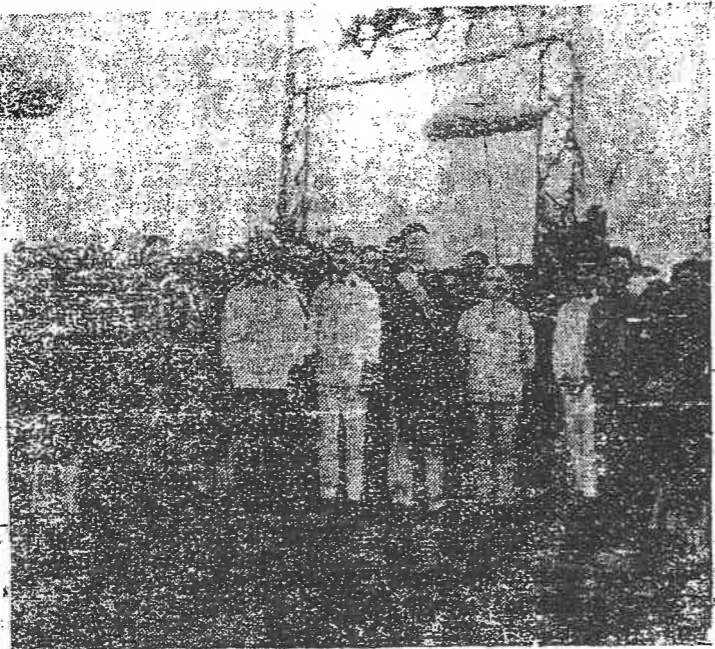
Độc «NAM-KY» chưa đủ
mà còn phải đọc
« ĐAI-VIỆT TẬP-CHÍ » nữa.

NGUYỄN-HUYNH-DỨC

Tiếp theo trang 7

Miêu-duệ của cụ Kiến-Xương Quận-công Nguyễn-huynh-Dức còn ở tại làng Khánh-hậu, nhưng vì nghèo nàn nên bỏ miếu mộ của cụ hư đổ. Năm 1926 ông Michel Nguyễn-hữ-Mỹ, làm Tri huyện tại Tân-an thấy vậy động lòng nên viết ra một quyển sách kể tiểu-sử của cụ Huỳnh-Dức, than phiền sự vong phế danh-nhơn và yêu cầu quan trên lưu ý. Hội-đồng địa-bạt tỉnh Tân-an cũng đứng tờ ước xin tu bổ miếu mộ cụ Kiến-Xương Quận-công lại cho từ tế.

Ông Adrien Petit hiện nay làm chức Nghị-viên Hội-đồng Địa - Phương Saigon-Chợ Lớn, lúc ấy ông cầm quyền Chủ-tỉnh Tân-an, ông xin phép quan Thống-đốc rồi xuất công nho địa-bạt mà tu bổ miếu mộ. Công việc làm hoàn thành đến ngày 2



Avril 1928 ông mới tổ-chức tại Khánh-hậu một cuộc lễ khánh thành rất long-trọng. Nam-triều có phái quan Tuân-vũ Bình-Thượn, là cụ Tôn-thất-Quang, thay mặt triều đình vào dự lễ.

Hình mộ đã đăng trong số báo trước là mộ đã tu bổ lại rồi.

Còn hình các quan đây là hình chụp-hội năm 1928 ngày làm lễ khánh-thành. Chúng ta thấy quan Chánh Tham-Biện Tân-An, là ông Adrien Petit, đứng giữa. Bên tay mặt ngài là:

1° Cụ Tôn-Thất-Quang, hồi đó là Tuân-vũ Bình-Thượn.

2° Ông Lê-quang-Hộ, hồi đó làm Tri-buỵen,

hiện thời Đốc-Phủ sứ hạng đặc-biệt, từng sự tại Văn-phòng quan Thống-đốc.

Còn bên tay trái ngài là:

1° Ông Viluiont, hồi đó làm Phó Tham Biện, bây giờ đã hồi hưu.

2° Ông Trần-văn-Kem, Tri Huyện, sau thăng Tri-Phủ và đã hồi hưu.

3° Ông André, chủ-sự Thương-Chánh Tân-An. Đi đường Saigon Mythô, qua khỏi nhà ga Tân-An chừng vài cây số ngàn, chúng ta thấy đường tẻ bên tay mặt có bảng đề « Khánh-hậu : 1 km », ấy là đờ g vó miếu và mộ Kiến-Xương Quận-Công.

Chung quanh mộ có 6 trụ búp sen chạm 3 đôi liền :

Tiền Hữu lương Trưng-quân,

Bắc Nam song Tổng-trấn.

Vọng Các trường thơ khoán,

Danh thành lữ liệt mao.

Đông sơn oanh nghĩa liệt,

Nam-hải làm oai thịnh.

Trong niên có treo một tấm biển khắc ba chữ lớn: Vạn lý danh.

Theo cột thì có treo mấy đôi liền :

Thất thập hữu nhị lưu, trung hiếu nhất sinh thọ lập,

Cửu nguyệt trùng d'ong nhựt, thọ ninh ngũ phước thi chung.

Trang nghĩa cang tr'ong, long fô phong văn định hội.

Ảnh hùng mỹ mục, Xiêm, Miên, Lào, Mán tri dân.

Tiền Hữu nhị Trưng-quân, lục sự soài lĩnh,

Bắc Nam tam Tổng-trấn, văn lý binh quyền.

BIEU-CHANH



EM KIM-TUYẾN,

T ONG N. K. T. B, kỳ rồi, chị được nghe em sơ luận về y-phục. Trong vài hàng, em cũng có tỏ một vài cái ngoại-ý về nữ-dung. Chị vui lòng nghe em lắm. Bồn phận của chị ngày nay là trả lời ngay cho cái nháy ý kêu gọi của em. Chị em ta cũng biết rằng nữ-dung là một điều-kiện phụ nữ, nếu luận đến vấn-đề này trong một ít hàng, có lẽ chị em ta cũng được chăm chế với một cái lòng quảng-đại.

Em đã cho chị biết các bậc tri-thức của ta vui lòng mở rộng mục này cho những vấn-đề phụ-nữ, nên trước hết chị phải xem-xét nơi ta và chung quanh ta để biết vấn-đề nào trọng-hệ và cần-kip nhứt, trong cả ngàn vấn-đề phụ-nữ.

Theo chị tưởng, phe phụ-nữ hiện-thời nên nghĩ tới nữ-hạnh và ít nữa phải giữ chắc điều kiện này không cho nó thối-bộ, vì trong những trường hợp khác chị em ta đã bước tới nhiều rồi. Trong cách phụ-nữ giáo-dục của ta xưa nay chẳng thiếu chi những thí-dụ, những câu văn và ca - dao để trau dồi đức-tánh riêng của đàn bà, trước và sau khi xuất giá. Ngày nay chị đem vấn-đề nữ-hạnh ra luận với chị em ta, sau khi xem-xét nữ-hạnh hiện-thời, chị chẳng được lạc-quan lắm, em à ! Em đã tưởng rằng nữ dung của ta đã tẩu bộ ăn nhip với các vấn-đề phụ-nữ khác, song riêng phần chị, nhờ cách giao-thiệp của gia-quyển chị với những nữ-giới Âu-ohâu, nên chị đã thấy một nơi không đồng-ý-kiến với em vào chỗ : « nữ-dung và nữ-hạnh của ta hiện-thời vẫn được điều-hòa ».

P. NGUYỄN-THƯỢNG-HIÊN

COI TAY

và văn ở số nhà 251, Đường Lagrandière

SAIGON

Chị nhớ lại chị đã bị sự ợg-sùng trong lúc chị khởi-nói chuyện nữ-hạnh ta đời nay với một nhà nữ-vĩ Âu, chị được nghe câu phê rằng : « Các chị đã tấn-bộ nhiều với những gót giày thệt cao ! » Em nghe lại có đáng buồn chăng ? Chị em ta cứ trau dồi cái văn-minh về kiểu mẫu y-phục mà quên hẳn những tánh đức đặc-biệt của đàn-bà Annam thì còn chi đại-h dự của c'j em ta.

C'j nhắc lại sau đây một cách sơ-lược, những câu của tiền-nhơn ta để rèn-tập nữ-tánh rồi chị em ta nên đem cái nữ giáo-dục thuở trước để so-sánh lại với nữ-côn', nữ-hạnh ngày nay dặng chị em ta lấy lòng thành thật đối p'ó ; chúng ta sẽ có phương pháp để gìn-giữ danh-dự cho phụ-nữ Việt-Nam, nếu chúng ta biết kính-nể những câu phương ngôn, ngôn ngữ hoặc là câu văn, đã thành những « Sự-thiệt đời đời. »

Em hãy nhớ lại, nữ-hạnh trong còn mắt của những bậc tri-thức tiền-nhơn ta như cụ Thả-khoa Nghĩa là một :

« Tánh rất thiệt-thà, tình nên ngay thẳng,

« Ăn chơi ở lỗ vốn không, đời mành ngôi là cũng chẳng.

« Thảo với cha, lành với mẹ như b'c nước ý không xao,

« Ra cùng xóm, ở cùng giềng, ước hột com đá chẳng cần. »

Tuy là trong những câu văn này ngài khộc còn gái của ngài quá vắng, song xét lại, những cái đức-tánh đặc-sắc ấy có chất nhơn-tạo nhiều hơn là thiên-tạo. B'ết đầu là, được một cô gái như thế ấy, cụ Thả-khoa đã phải bao nhiêu công trình lập ra một gia-pháp riêng, đã chăm nom giáo-dục từ thuở c'ó biết nói, biết đi cho đến lúc trưởng-thành. Chúng ta thấy ngay ý-kiến của cụ về nữ-hạnh :

« Tay quai bãi-buổi trời kệ, khôn lành chẳng qua thiệt thã,

« Lãng-lỡ thừa thiếu trời ai, khéo léo không hăng ngay thẳng. »

Đời nào biết làm giọng anh, giọng e mà dứt
lờ, giận thì lạ giống nó lộn rờn.

Đời nào hay cầm cái roi, cái vọt mà đánh em,
giận thì mắt thẳng sao nó rần.

Chị em ta hãy nghĩ thử những cử-chỉ hiền-hậu
của bậc gái xưa này để so-sánh với những lời
nói, những nét-na bất-nhã của một hạng gái
kim-thời mà xã-hội ta gọi là "ở nơi nhà thế-
phiệt" thì chúng ta đâu khỏi thốt một lời kết-
luận bi-quan. Song đó đã qua một vấn-đề khác.

Hiện giờ, trước hết các điều-kiện phụ-nữ mà
em gọi là tối-cần, chị muốn sao chúng ta hãy tập-
rèn cách nào cho được :

- « Tánh đức son-vàng, tình không đen bạc
- « Ở với mẹ đã trọn niềm hiếu hạnh, chiều lòng
theo luân-lý với anh em,
- « Lúc theo chồng dư biết chữ xướng tùy, vẹn
vẻ với xóm riêng cũng chú bác.
- « Thảo thờ thân em giữ phận chun lè.

và cái câu :
« Nghèo mang khổ chuỗi mà khôn phải duyên
dâm-thảm, cầu mấy nhịp xa xuôi em gánh vát.

Chỉ rõ cho ta biết cái p ận-sự phụ-nữ phải biết
bị sính, phải biết quên mình trong cảnh gia-đình.
Nói đến đây, chị không thể nào khỏi nhớ tới
cái gương xấu mà chị đã thấy l ắng ngáy: trong một
cảnh gia-đình bản-chật, vẫn có nhiều cô thiếu-
nữ bây giờ hay làm khó dễ cho cha mẹ, lấy cơ
nữ-dung, nay đòi hỏi món này mai xin vật khác,
không một mảy chi tương tợ giọt mồ hôi trắng
cung cha mẹ; chẳng thiếu chi những người thiếu-
phụ, non dịp sửa đổi kiểu-mẫu y-phục, đem bao
nhiều gánh nặng để lên vai chồng, nay muốn
màu này, mai thêm sắc khác, tự sánh với kẻ thế-
gia vọng-tộc, quên cái thiệt-lực tài-chánh của
ông chồng.

Muốn biết rõ ràng ý-kiến của cụ Thủ-khoa ở
Bình-thủy trong vấn-đề nữ-hạnh, chúng ta nên
xem qua cái gương mặt của nàng Lâm Ái-Châu
trong Kim-Thạch-Kỳ-Duyệt :

« Thiếp Ái-Châu tốt bụng hồng quân
« Cha Lâm Vương nên trang cự tử

Nhu tôi là: « Kiêu diệm Tây-Thị khó vi,
còn: « Thông minh Đạo-Huân chi hơn.

Nói về dung nhan của nàng Ái-Châu, đúng
ta phải tưởng tượng một người gái, mười phần
xinh-đẹp, cũng như tưởng đến nàng Kiều, mặc
dầu câu là chọn-dụng vấn-tất. Nhưng chữ « Lót
bức Lòng quân » và câu « Kiêu diệm Tây-Thị

khó vi » nghĩ ra dung nhan này cũng mỉa
mại với người « một hai nghiêng nước t g iên
thành » của cụ Tố Như. Hai nữa, nâng lại là
một bức tài-hoa :

« Thông minh Đạo-Huân chi hơn »

Đến đời trong việc lựa chọn một ti-nữ, nâng
cũng kén cho được một đứa :

« Nhiều ít bút nghiên cho biết cách.

« Đặng mà, khi xuất giá sửa đờn soạn sách...

Như thế, chúng ta được thấy một gái « dung
mạo tài tình rất lịch, lại thêm cầm kỳ thi họa
đều thông », nghĩa là một nàng mỹ-nhơn « vi
trần châu báu lạ không nhường », và đã « cùng
Kim-Ngọc duyên lành mới gá ».

Nhưng vậy, cụ Thủ-khoa chưa cho những
điều-kiện ấy là đủ làm một người phụ-nữ hoàn-
toàn.

Có lẽ nàng này vì thiếu cái điều-kiện thứ
nhứt là nữ-hạnh, nên bị tác-giã kết án một
cách rất nghiêm-khắc :

« Bát tác thanh lâu chi tiện, tất bạn khát
cái chi phụ ».

Hình như trong con mắt tác-giã, dung nhan
đẹp dễ, cái tri-huệ thông minh đó và cái tài
cầm kỳ, thi họa chẳng có giá-trị chi hết,
những điều tốt này vẫn bị chữ « vô hạnh »
bội hết. Cái « tánh tình đa khắc bạc » và cái
nết kiêu-hãnh : « Rõ ràng một mặt phụ-nhân,
cao tốt phò loài phạm nữ », nếu không phải
là những nữ-tàooh khá-ó để làm cho tiêu-tan
những điều kiện xinh tốt khác, làm cho tác-
giã kết-án riêng ràng Ái-Châu một cách quá
đáng. Nàng cũng còn mang những tội trọng là
bội phụ, bất hiếu kia nữa, song xét về tâm
lý, những tội ấy trong thuyết nho gọi là
« hoạch tội ư thiên » thì cái tay mỹ-thuật và
cái tài thông tâm lý học của tác giả tuy là
phải để bai tội ấy đáng làm căn cứ cho nền
luân lý nước nhà, chớ kỳ thật ngài chú trọng
một cách đặc biệt về nữ-hạnh.

Mặc dầu là sắc-lịch, tài hoa, thông minh,
nhưng mà thiếu đức và nhứt là thiếu hạnh,
cuộc đời của nàng Ái-Châu phải kết liễu một
cách như nước chảy xuôi dòng oan-nghiệt !

Còn ai là kẻ phụ-nữ đáng kính, đáng mến,
đáng hưởng hạnh-phúc vinh-viễn, theo ý-
của cụ Thủ-khoa ?

Nếu kiểm thử, ta sẽ thấy người « Thiệt thà
đức hạnh không sai », với một cái dung nhan

(Coi tiếp qua trang 19)



của HỒ BIỂU-CHÁNH

(Tiếp theo)

HIỆT cô như định tự tử hay
sao ?

— Em đã cùn đường rồi, Em
cây anh chỉ đường cho em đi,
anh không chịu chỉ, thế thì
em còn sống làm sao được.

- Tôi không cho cô chết.
- Dầu anh giận thì em chịu, chớ em không
thể vưng lời anh được nữa.
- Cô phải sốngặng đi theo tôi.

Cô Mậu ngó Cang trần-trần, dường như
không hiểu ý nghĩa câu Cang mới nói đó.

Cang nói tiếp : « Tôi cũng có tâm-sự làm cho
tôi buồn rầu lung lăm. Tôi phải đi, tôi không
thể lán-la ở xứ này nữa được. Có chịu bỏ
chồng, bỏ cha mà đi theo tôi hay không ? »

Cô Mậu mừng-rỡ hỏi : « Anh hỏi thiệt, hay là
anh muốn gạt em mà chơi ? »

Cang nghiêm sắc mặt, song chàng ngó chỗ
khác mà đáp : « Tôi hỏi tài... »

Cô Mậu liền bước lại gần và nói : « Em cảm
ơn anh. Anh giải thoát nỗi khổ giùm cho em,
em phải tình biết chừng nào ! Anh Cang, anh
biết thương em, thì em sung-sướng quá. Thuở
nay trí em lờ-mờ như đêm tối. Nhờ mấy lời
anh mới nói đó mà bây giờ trí em sáng-sủa
như thế ban ngày. Em tưởng đời của em đã
hư-hỏng rồi, em có dè còn được hưởng hạnh-
phúc như vậy đâu... Anh Cang, anh lấy tình
mà cứu em ; em thế có trời đất em cũng sẽ
lấy tình mà đáp lại với anh. Tuy thân-thể
em hết trinh, nhưng mà tình em vẫn còn y
nguyên ; em để dành tình cho anh luôn luôn,
thuở nay em chưa hề chia cho ai một mảy nào.
Anh thử để tay vào ngực em mà coi... Trái
tim em còn trinh-bạch, nên nó mới nhảy mạnh
như vậy đó ; thuở nay nó chớ dặng hiệp với trái
tim của anh. Anh Cang ơi, em vui lắm, em
khỏe lắm, em không còn buồn rầu một chút
nào nữa hết ».

Cô Mậu mừng rỡ, nói lảng-xăng, còn Cang

thì ngồi trần-trần, vừa cảm, vừa lo, nên không
nói một tiếng nào hết. Cách một hồi lâu chàng
mới nói :

— Tôi là đứa vô tình, nên thuở nay tôi không
có tình với việc vợ chồng. Tôi sợ có theo tôi
trong ít ngày-rồi có chán cái thói vô-tình của
tôi. Vậy tôi phải nói trước cho cô biết sự đó.

— Em được gần anh trong một ngày rồi em
chết em cũng phi nguyện, chẳng cần tôi mảy
bữa. Mà anh gần em, anh sẽ ngại, cái tình
của em, rồi anh đổi cái thói vô-tình mà làm
thói hữu-tình cho mà coi, xin anh đừng lo.

- Mà bây giờ mình tình dặt nhau gì đâu ?
- Đi đâu em cũng chịu hết thấy, tự ý anh
định. Anh muốn ở đây cũng được nữa. Việc đó
không quan hệ chút nào hết. Hễ em được gần
anh, thì cảnh vật chỗ nào em coi cũng vui-vẻ
hết thấy, dầu phải cực thân cho mảy đi nữa
em cũng không biết mệt.

— Ở đây thì coi kỳ lắm, mà đi đến tỉnh khác
mà ở thì cũng không tiện. Tôi muốn hai đứa
mình dặt nhau ra Hà-nội rồi tôi kiếm việc tôi
làm. Mình ở ngoài ấy không ai biết. Lại Bắc-
kỳ có nhiều cảnh nên thi, chắc là hợp với tình
nông-nân của cô.

— Được. Anh muốn đi ra Hà-nội thì đi. Em
sẵn lòng. Chừng nào đi, xin anh nhứt định.
Anh định đi liền bây giờ em cũng chịu nữa.

Cang ngồi bàng-hoàng suy nghĩ một chút rồi
mới đáp :

- Bữa nay thứ ba. Tôi muốn thứ bảy mình
đi, đi chuyến xe lửa tối.
- Dừ hôn ! Tối 4 bữa nữa !
- Tôi phải sắp đặt công việc nhà cho an rồi
tôi đi mới được.

— Anh định thứ bảy thì thứ bảy. Mà từ bữa
nay cho tới đó hai đứa mình ở đâu ?

— Tôi phải trở xuống Chợ-lớn kiếm người
cây coi nhà coi phố. Có cứ ở nhà cô như thường.
Từ nay cho tới bữa đi, chẳng cần gặp nhau nữa,
vì sợ người ta hay rồi bẻ việc. Có sửa soạn áo
quần gì đem theo đó, thì sắp-đặt trước cho
sầu. Tối thứ bảy, lối 6 giờ rưỡi, có trẻ lăm là

7 giờ, cô phải có mặt tại nhà gare rồi hiệp nhau mua giấy xe-lửa mà đi.

— Được. Sáu giờ rưỡi sẽ có em tại gare xe-lửa. Phải cần dùng tiền bạc chừng hao nhiều, xin anh cho em biết định em liệu.

— Không cần. Tôi có tiền.

— Em vui lắm... Cha chã! mà em trốn em đi đây chắc thầy em nguy to... Ồ! Nguy thì nguy, chớ biết làm sao? Có phải tại em làm nghèo hay sao mà thầy em trách em được. Có phải cha mẹ sanh con đặng để bán mà ăn đầu...

— Thôi, cô về đi...

— Anh đừng kêu em bằng « cô » nữa chớ. Kêu bằng em mới thân-thúy.

— Được. Em về đi, ở lâu sợ người ta thấy người ta nghi rồi hư việc.

— Vâng.

Cô Mậu cúi đầu chào Cang rồi bước ra cửa và đi và nói: « Tối thứ bảy em sẽ thoát nạn ».

Cang ngồi ngó theo, châu mày xu mặt mà suy nghĩ.

Con của kẻ thù với mình thì có thể nào mà mình kết tóc trăm năm cho được. Minh dắt đi trong một ít ngày rồi mình làm cho nó chán mà trở về. Chủ-tâm của mình là làm cho thầy Thêm giận rồi thầy đuổi thầy Cái đặng thầy Cái vất-vả đời rách váp thôi, chớ có tình nghĩa gì. Ấy là cái kế mình dùng đỡ mà hại thầy Cái đặng rửa hờn chút ít chớ cha. Tuy kế của mình không được chơn-chánh, song kế mà chơn-chánh nổi gì?

Chắc trong ít bữa nữa đây mình sẽ hại được một người... Còn một người nữa... làm sao?... Mẹ mình... làm sao mà hại cho được?... Mà hề thấy mặt mẹ thì nhớ chuyện cha chết, rồi mình buồn, mình giận, mà mình lại khinh bỉ nữa, thế thì làm sao mà gần mẹ nữa được, gần rồi có khi buồn mình nói bậy-bà ất sẽ lỗi đạo mẹ con. Vậy thì lia mẹ là kẻ hay hơn hết... Phải lia mẹ... Nếu thiệt mẹ có lòng thương mình, thì tự nhiên mẹ sẽ buồn rầu lắm. Làm cho mẹ buồn rầu, ấy là một cách phạt nghĩ cũng đã nặng rồi; phạt về phần xác không được thì phạt về phần tri. Dắt cô Mậu đi thì thầy Cái nguy khốn liền, mà mình đi luôn, không trở về xứ này nữa, thì lần lần mẹ mình đau lòng xót dạ. Quảng một cục đá mà trúng luôn hai người một lượt, thì tiện lợi biết chừng nào. Vậy thì còn dục-dặc, làm chi nữa... Nếu mình không dặt cô Mậu đi, thì cô tự-vận, càng tội nghiệp cho cô nữa...

Cang ngồi suy nghĩ như vậy rồi lòng cương quyết khiến cho chàng đứng dậy, gọn gàng.

Chàng hăm-hở đi vô buồng tắm góp áo quần, lựa chọn sách vở mà sắp vô rương. Sửa soạn đến trưa mới rồi, chàng bung cái rương đem ra để dựa cửa. Con Lý đi chợ về này giờ, nó nấu cơm rồi nên dọn bung lên mời Cang ăn. Cang muốn đi liền, mà thấy cơm dọn sẵn, lại nghĩ cũng nên chờ mẹ và dặng thầy mặt một lần chót rồi sẽ đi, bởi vậy chàng ngồi lại ăn cơm.

Cang chờ đến xế mẹ mới về tới.

Cô ba Minh bước vô thấy cái rương để dựa cửa, lại thấy Cang mặc đồ Tây đi qua đi lại thì hỏi: « Con đi đâu mà sửa soạn đồ đó? »

Cang ngó mẹ với cặp mắt rất buồn mà đáp:

— Con xuống Chợ Lớn.

— Xuống Chợ Lớn mà đem rương tráp theo làm chi?

— Con đem áo quần theo mà dùng... Con chúc cho má ở nhà mạnh giỏi.

Tuy cô ba Minh không thấu hiểu tâm-hồn của con trong lúc này, song cô thấy sắc mặt con buồn, lại nghe mấy lời con từ biệt rất thâm, thì cô cảm động không chịu nổi. Cô quăng cây đu trên ván rồi ngồi sụp-lơ và khóc và nói: « Con đành bỏ má hay sao?... Dầu má có lỗi gì đi nữa, con cũng phải nhớ má banh da xẻ thịt mà để con. Vậy má xin con nghĩ chút tình mẹ con mà thương giùm phần má ».

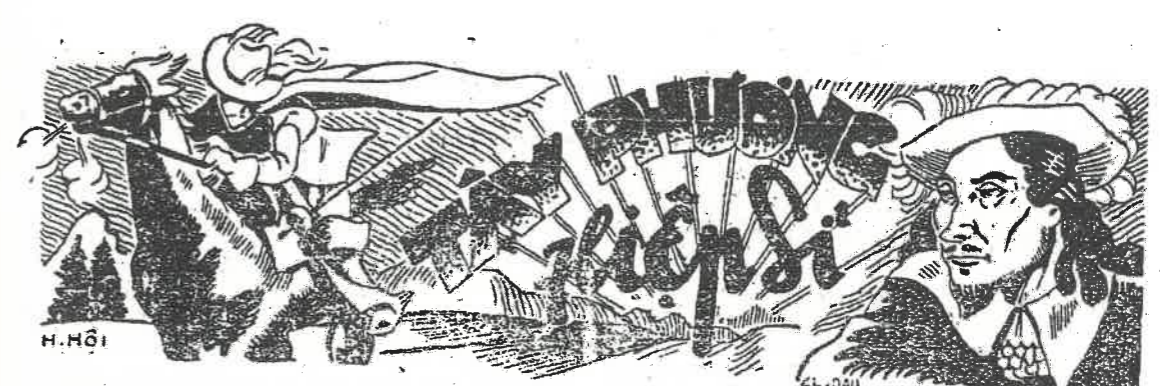
Nghe mấy lời mẹ than, Cang bủn-rủn tay chơn, nên đứng trơ-trơ, nước mắt rưng-rưng chảy. Mà vừa mới xiêu lòng, thì chàng lại nhớ ba bức thơ của cha, rồi lửa giận lừng lên lại.

Cô ba Minh cứ ngồi khóc thút-thít.

Càng không dám ngó mặt mẹ, vì sợ đau lòng. Chàng vội-vả kêu ông Thu mà cậy vật giùm cái rương đem xuống nhà ga, Bình-Nhâm.

(Còn nữa)

Vàng Quận-Chùa, chả Quận-Công,
Điện toán đồ đẹp, ăn rương miêng ngon,
Gần xa nó nức tiếng đồn,
Nữ trang ngọc thạch, bánh dòn phồng lóm,
Sáng mai cho đến chiều hôm,
Quận-Công, Quận-Chùa, luôn luôn chất,
Saigon chỉ có hai nơi! 1 người.



ÚC Ấy Bá-tước De Guiche nhìn thính không thuật chuyện nữa. Mazarin lại liếc mắt ngó Thái-hậu dường như cảm ơn mấy lời của Thái-hậu vừa nói. Hoàng-dệ Philippe vuốt tóc cho láng và nói: Charles tuy không đẹp nhưng rất can-dảm, chiến-dấu không khác một tên mả-kị Đức ở đời Trung-cổ. Nếu anh tôi cứ tiếp tục chiến-dấu mãi như thế thì một ngày kia thế nào anh cũng thắng một trận... như trận Rocroy kia vậy.

KIỂM-HIỆP TIỂU-THUYẾT
do Thân-Văn
Nguyễn-văn Quý
dịch truyện:
Le Vicomte de Bragelonne
của Alexandre DUMAS

(Tiếp theo)

Hiệp-Si De Lorraine chận nói: Ngai không có binh thì làm sao thắng được? Vua Hòa-lan là đồng-minh của anh tôi, sẽ giúp binh. Nếu tôi là vua Pháp thì tôi đã giúp binh rồi.

Vua Louis mặc cổ đỏ mặt. Mazarin cũng cá thẹn nên làm bộ chăm-chỉ đánh bài. Bá-tước De Guiche lại nói:

Trong giờ này đây, cái vận-mạng của nhà vua khốn-khó ấy chắc đã định rồi. Nếu ngài bị Monk trở mặt thì ngài ất mất. Cái đời của ngài đã bị giang-bổ luru-lạc, đã xông-pha tên đạn, đã ăn tuyết năm sương, nhìn ăn, nhìn khát, ngày nay e phải liêu-kết trong ngục-thất mà không chừng ngài phải chết nữa da.

Mazarin chần-mây. Vua Louis hỏi:

Người ta nói vua Charles đã là hải-căng La Haye, thật vậy chăng, Bá-tước?

Tâu bệ-hạ, thật vậy. Phụ-thần của hạ thần mới tiếp được một bức thơ nói rõ việc ấy. Người ta còn biết rằng vua Charles đã tới hải-căng Douvres nữa. Có nhiều người thợ-câu thấy thuyền của ngài dờ bên rồi từ đó về sau thì còn ở trong vòng bí-mật.

Hoàng-dệ Philippe vâng nói:

Tôi rất muốn biết cái chuyện về sau đó.

Hoàng-huynh biết chăng? Nói cho em nghe.

Vua Louis đáp:

Em hãy hỏi quan Tể-trưởng.

Thái-hậu cười, nói:

Con hiểu chưa, Hoàng-huynh con nói như vậy là không, muốn đem việc nước bàn-cải ở ngoài công-đồng.

Philippe không dám hỏi nữa, cuối đầu, vừa chào mẹ vừa chào anh, vừa mỉm cười. Song Mazarin liếc mắt thấy trong phòng Quận-công, d'Orléans, Bá-tước De Guiche và Hiệp-si Lorraine đang hội lại nói chuyện. Ngài nghi cho ba người, vì không thể tổ-bày ý-kiến của mình, mới chum-nhum lại để nói nhỏ câu chuyện mà không thể nói lớn cho ngài nghe. Ngài bèn nhờ Thái-hậu phá vỡ cuộc hội-đám ấy thì bỗng thấy Bernouin bước vào kể tai nói:

Bẩm ngài, có sứ-thần của vua nước Anh muốn vào ra mắt.

Mazarin nghe nói lộ vẻ lo. Nhà vua dờm thấy bèn đứng dậy bước lại bên giường kiêu đi về cung.

Bá quan cũng đứng dậy. Khi ấy Mazarin nói nhỏ với nhà vua rằng:

Xin bệ-hạ để cho họ đi trước rồi bệ-hạ ở lại với hạ-thần trong giây lát. Hạ-thần có một chuyện muốn bàn với bệ-hạ nội trong buổi tối này.

Ngài nói rồi bỏ màn xuống, che khuất cái giường của ngài. Ngài vừa mặc áo vừa kêu Bá-tước, De Guiche nói:

Bá-tước hãy cầm bài thế cho tôi và rán đánh cho ăn các quan giùm tôi.

Bá-tước vâng lời, ngồi lại cầm bài đánh với nhiều quan cận-thần khác. Nhà vua bước lại nói chuyện với Thái-hậu và Hoàng-hậu.

Phía trong màn, Tể-trưởng theo Bernouin đi qua văn-phòng ở kể một bên.

XL

Tể-trưởng bước vào văn-phòng thấy Bá-tước De la Fère đang đứng ngắm-soi một bức tranh, tuyệt-đẹp do nhà họa-sĩ Raphael vẽ.

Tể-trưởng chơn bước chằm-rã, nhẹ-nhàn và êm ái, cũng như một cái bóng, và theo tánh quen của ngài, lên nhìn sắc-diện của Bá-tước, tính xem nét mặt để lộ cái ý nghĩa câu chuyện của khách sẽ nói.

Nhưng chuyện này chỗ trông-dợi của Mazarin bị phải-phở. Ngài không tìm ra được vẻ chi trên gương mặt Athos, cho đến về phía trong

cũng không thấy lộ ra theo như ngài thường thấy trên mặt của mọi người đứng trước mặt ngài.

Athos mặc quần áo đen có thêu chỉ bạc, mang huy-chương Saint-Esprit, la Jarretière và Toison d'Or, ba thứ buy-chương mà chỉ có nhà vua mới gdm có được mà thôi.

Mazarin nhìn Athos và tìm trong trí nhớ cho biết tên cái người sắc-diện ngội-lạnh này mà tìm hoài không ra. Ngài mới nói :

— Tôi vừa hay rằng có sứ-thần ở Anh qua tới.

Ngài nói rồi ngời xuống ghế, bảo Bernouin và Brienne là thơ-ký của ngài, đi ra khỏi văn-phòng. Athos đáp :

— Thưa ngài, tôi là Sứ-thần của vua Anh-quốc.

Mazarin nhìn ba cái huy-chương của Athos rồi chậm-chỉ nhìn mặt Athos nữa và nói :

— Một người Anh như túc-hạ mà nói tiếng Pháp như vậy thật là rành-rẻ.

— Thưa ngài, tôi không phải người Anh, tôi là người Pháp.

— Chuyện này cũng lạ da, vua Anh lại chọn người Pháp cho làm Sứ-thần ! Vậy thì cuộc thương-thuyết có lẽ sẽ được kết quả mỹ-mãn... Túc-hạ tên là chi ?

Athos chào sơ-sài chứ không được đún? theo lễ phép đối với một vị Tể-tướng oai quyền như Mazarin và đáp :

— Tôi là Bá-tước De la Fère.

Mazarin rùn vai dường như nói : « Ta không biết cái tên ấy. »

Athos giữ vẻ bình-tĩnh.

— Túc-hạ tìm tới để nói với tôi..

— Vua Anh sai tôi qua đây cho vua Pháp hay rằng.

Mazarin nghe nói tới đây chau mày.

Athos thung-dung tiếp nói :

— Hay rằng ngài đã phục ngói của tổ-tiên lại được rồi.

Bá-tước nói câu này là cố ý thí Mazarin. Mazarin lại là người qui-quyết cho nên nghe qua thì hiểu liền. Bình thường ngài liêu người rất đúng thì không lẽ hôm nay ngài thấy Athos ngội-lạnh, cao-cách như vậy, mà không truy ra mối hận trong lòng nhà Hiệp-sĩ. Ngài hỏi giọng xẵng và gầy :

— Bá-tước đi sứ, có lẽ có thơ nhà vua chứ ?

— Phải... thưa Đức-ông.

Athos nói hai tiếng « Đức-ông » một cách khó-khăn dường như không muốn dùng với một người không đáng phục.

— Vậy Bá-tước hãy đưa cho tôi xem.

Bá-tước rút trong một cái bao nhưng thêu một bức thơ. Tể-tướng vừa đưa tay lấy thì Athos nói :

— Xin lỗi ngài, bức thơ này gửi cho bệ-hạ chứ không phải cho ngài.

— Bá-tước là một người Pháp, có lẽ Bá-tước cũng biết ở triều Pháp này quan Tể-tướng là chi chứ ?

— Thưa ngài, có một lúc tôi cũng đã xét-biết quan Tể-tướng là chi, nhưng

ma cách mấy năm

sau này tôi đã nhứt-quyết, nếu muốn việc chi, thì cứ yết-kiến ngay nhà vua, chớ không cần phải trình-bày với quan Tể-tướng.

Mazarin đã giận, nói :

— Vậy thì Bá-tước không gặp tể-tướng mà cũng chẳng gặp vua.

Mazarin nói rồi đứng dậy. Athos bỏ phong thơ vào bao nhưng, cuối đầu chào rồi xáy lưng đi ra cửa. Sự bình-tĩnh của nhà hiệp-sĩ làm cho Mazarin quá giận. Ngài nói lớn :

— Cái cách ngoại-giao gì mà dị-kỳ vậy ? Hay là chúng ta còn ở vào thời-dại mà Đại-tướng Cromwell gọi qua đây tình những là Sứ-thần kiem-khách chẳng ? Bá-tước chỉ còn thiếu một cái bình trên đầu và một cuốn sách thánh-kinh ở đây-nội nữa là đủ bộ-vạn.

Athos xẵng-xóm đáp :

— Thưa ngài, tôi không được cái lợi thương-thuyết với Cromwell như ngài, còn những sứ-thần của Cromwell tôi có thấy, có gặp thì hết dĩ chỉ để chực đầu kiem với nhau mà thôi. Bởi vậy cho nên tôi không biết Cromwell thương-thuyết với các quan Tể-tướng như thế nào. Còn về phần vua nước Anh là vua Charles II, tôi biết rằng lễ khi nào nhà vua viết thơ cho vua Louis XIV thì nghĩa là không phải viết cho Tể-tướng Mazarin. Trong sự phân-biệt giữa bệ-hạ và ngài ấy, không có chỉ gọi là ngoại-giao cả.

(Còn tiếp)

SÁCH CỦA NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI-VIỆT

1) Cư Kinh (tiểu thuyết) của Hồ Biểu-Chánh. . 0,70

2) Pétain Cách Ngôn, Á Đông Triết Lý Hiệp Giải của Đặng-thúc-Liêng và Hồ-văn-Trung } 1,50
3,00

3) Tiểu Phú-Viên, Hán-Văn, Thi-Văn toàn tập của Đặng-thúc-Liêng . 0,50

4) Nền Luán Lý Việt-Nam của Lê-chí Thiệp . . 0,50

5) Những lời thương lâm trong sự học Quốc văn của Đông-Hồ và Trúc-Hà 0,50

Mới xuất bản : Huấn Từ Ca của Nguyễn-viên-Kiểu 0,25 (Có bài tựa của Hồ Biểu-Chánh)

Đang in : 1) Luán Lý Đạo Nhơ của Trúc-Hà. . . 1,50

2) Con nhà Hoang của Thân-Văn Nguyễn-văn-Quy

Phụ-nữ luận đàm

(Tiếp theo trang 14)

tâm thường như « ngũ nhạc đoan trang, tam đình bình đẳng », song được : « nét đi nét đứng chững chàng, tiếng nói tiếng cười kín đáo » — Nền tác giả ngài cho được : « phụ phụ bá niên giai lão, hoàng phong nhị phẩm phu-nhơn ».

Ấy là nàng Lâm Tố-Châu là một, còn người phụ-nữ được cụ đem lên đường danh dự tôi cao : « chơn vi nhứt phẩm phu-nhơn » là bực « Trinh thực tánh tình, u nhân thể diện ». Lúc chưa xuất giá, giàu lòng hi-sinh cùng cha mẹ :

« Tóc tơ chưa trả nợ nước non

« Sơn phần quyết giã nơi gió bụi

Nên phải :

« Tuổi xaph thà cam phận tôi đòi

« Đầu bạc mới khỏi nơi ràng rạt.

Đến khi có chồng :

« Duyên đã xe chỉ thắm, phận vi ở trời xanh ;

« Đạo cang thường dầu chẳng hết tình

« Trong luân-lý ai còn luận-nghị và công-sân-sóc chớng khi bình hoạn :

« Thuốc thang đã sẵn sàng đủ cả,

« Vợ chớng-dầu khó nhọc nài bao.

« Thiếp đương tự phục lao, quán vật tu đời ý

Ấy là nàng Thạch-Vô-Hà :

« Trước vì cha cứu nạn, sau vì chủ đợi hôn ».

Em thấy « nữ hạnh » trong phụ-nữ giáo-dục của ta xinh đẹp là dường nào ! Nếu chị em ta muốn bảo tồn danh dự cho dân bà Việt-Nam ta, thì chị em ta chẳng nên coi câu nữ-hạnh là thường. Nừ-dung tán thời để tô điểm cho gia đình thêm vẻ xinh lịch, nữ-hạnh lưu-truyền của ta để gìn-giữ cho bền chắc cái hạnh-phúc : Chị em ta nên liên-biệp một cách khôn-khéo hai điều-kiện này.

Viết ngày 1^{er} Octobre 1943 tại Saigon

Chị của em,

NGOC-TUYỀN.

LƯỢC DỊCH

Ấn Phòng Phá-An Đông-Pháp ngày 24 Juin 1943 đã bắt đơn kháng án của tội-nhơn.

TOÀ PHỨC AN SAIGON

Trích-lục án Toà Phức-An về việc tiêu-hình.

Chiếu theo đơn của quan Chương-lý Saigon đưng chống cái án Tòa tiêu-hình Phanhiết lên ngày 16 Janvier 1942 đã xử lên TRƯƠNG-LE-NGHI, 44 tuổi, sanh và cư-ngụ tại Đức-Thang (Bình-thuận) con của Trương-văn Sang (chết) và Trần-thị-Thai (chết).

Toà Phức-An Saigon (Phòng xử về việc tiêu-hình) đã lên án hiện diện cuối cùng ngày 7 Avril 1942, xử tên ấy MỘT NGÀN QUAN tiền và về tội trừ nước mắm giã và xử phải trả liền tụng lệ là 6\$34.

Ấn ấy dạy phải ấn-hành bốn trích-lục trong một tờ báo quốc-văn xuất bản tại Nam-kỳ hay tại Trung-kỳ tùy quyền quan Chương-lý lựa chọn, số phi về phần tội-nhơn phải trả, song giá tiền ấn-hành không được trên 30 \$ 00 và dạy phải dán bốn trích-lục trong một tuần lễ tại nhà làng Đức-Thang và ở cửa tiệm nhà tội-nhơn.

Giới hạn giam thâu định theo cách lối-thiếu.

Trích-lục y theo bản chánh án đăng đệ lên cho quan Chương-lý.

Thay mặt quan Lục-sự Tòa Phức-An.

Ký tên : G. MICHEL (có con dấu)

Thi-hành theo lời thỉnh-cầu của quan Chương-lý.

Quan Đại Luật-sư

Ký tên : M. LEGER, (có con dấu)

Lược dịch y theo bản trích-lục án.

Thông-ngôu hữu thế :

UNG-VĂN-THANH.

Chứng dấu ký tên trên đây của M. Ung-văn-Thanh, thông-ngôn hữu thế về tiếng annam tại Tòa án Saigon.

Saigon, le 29 Août 1943. Quan Đầu Phòng Dịch, Văn-Tự. VÔ-PHẠM JEAN.